

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;
2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1183/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc K, sinh năm 1985; thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Số 120B đường tổ 4,5,6 khu phố E, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1991; thường trú: Xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 100 đường số 11, khu phố E, phường G, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

(Anh Trần Quốc K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Quốc K trình bày:

Năm 2013, anh Trần Quốc K và chị Lê Thị L tự nguyện chung sống với nhau tại địa chỉ số nhà 120B đường tổ 4,5,6 khu phố E, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, anh K và chị L

chung sống với nhau hạnh phúc, cả hai đều có công việc đủ lo cho cuộc sống gia đình. Đến năm 2014, sau khi chị L sinh con xong thì anh K phát hiện chị L có một người con trai riêng đang ở với bố mẹ của chị L. Thời gian này, anh K và chị L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, chị L không quan tâm chăm sóc con, sau đó chị L bỏ đi và đã lấy chồng khác.

Nay anh K xác định tình cảm với chị L không còn nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị Lê Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh Trần Quốc K và chị Lê Thị L có một con chung là Lê Trần An N, sinh ngày 16/6/2014. Chị L về quê làm khai sinh cho con thì không ghi tên cha trong giấy khai sinh. Hiện nay cháu Lê Trần An N đang ở với anh K. Anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Lê Thị L:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, cung cấp bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng, do đó Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn là chưa phù hợp. Đối với các yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và có tranh chấp về nuôi con nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn anh Trần Quốc K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa

nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn anh Trần Quốc K xác định, anh Trần Quốc K và chị Lê Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh K và chị L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm và đã ly thân từ năm 2014. Anh K và chị L đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc chung sống giữa anh Trần Quốc K và chị Lê Thị L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, xét yêu cầu của anh Trần Quốc K về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Quốc K với chị Lê Thị L là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo lời khai của anh K thì quá trình chung sống, anh K và chị L có một con chung là Lê Trần An N, sinh ngày 16/6/2014, hiện nay cháu N đang sống với anh K. Anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Khi giải quyết việc giao con cho ai nuôi, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn chị Lê Thị L nhưng chị L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chị L cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Xét cháu N đang sống ổn định với anh K nên cần tiếp tục giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh K tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận. Đề nghị về quan hệ pháp luật của Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc K phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc K đối với bị đơn chị Lê Thị L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Quốc K và chị Lê Thị L.

- Về con chung: Giao con chung Lê Trần An N, sinh ngày 16/6/2014 cho anh Trần Quốc K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Quốc K không yêu cầu chị Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị L có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, anh Trần Quốc K không được cản trở chị Lê Thị L thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Quốc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039800 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang